

Bản án số: 15/2019/HS-ST
Ngày 05-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Văn Nam

Ông Nguyễn Thanh Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Zơ Râm Quốc Sinh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Đờ- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2019/HS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST- HS ngày 23 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Bùi Văn T; sinh ngày 20/7/1996, tại: huyện L, tỉnh H; HKTT: Xóm Chạo, xã T, huyện L, tỉnh H; chỗ ở: thôn 2 xã T, huyện P, tỉnh Q; nghề nghiệp: không ổn định; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Mường; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn N (N) (SN: 1976) và bà Bùi Thị X (SN: 1968); có vợ Hồ Thị C (SN: 1988) (chưa đăng ký kết hôn) và một con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 14/8/2019, hiện bị cáo đang tạm giam, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo:

Bà Lê Thị Sao Mai- Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Hồ Văn M, sinh năm: 1983; Nơi C1 trú: thôn 2, xã T, huyện P, tỉnh Q, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Lê Văn C1, sinh năm: 1969; Nơi C1 trú: thôn C, xã T, huyện P, tỉnh Q, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 13/8/2019, Bùi Văn T đi dạo quanh thôn 2, xã Phước Thành, huyện Phước Sơn, thấy nhà ông Hồ Văn M không có ai ở nhà, Bùi Văn T nảy sinh ý định vào trộm tài sản trong nhà ông M nên tìm cách đột nhập vào nhà. Bùi Văn T đi quanh bên ngoài nhà bếp phát hiện tấm ván thưng bị mục nát nên dùng tay kéo tấm ván này hở ra và chui vào bên trong. Từ nhà bếp T đi lên phòng khách và mở cửa phòng ngủ đi vào trong buồng lục soát thì phát hiện có một chiếc rương (hòm gỗ) để ở đầu giường đã bị khóa, T đi xuống nhà bếp lấy một lưỡi rựa đi lên lại phòng ngủ. T dùng lưỡi rựa cạy phá ổ khóa và mở được nắp rương. Kiểm tra bên trong rương gỗ T thấy có một cọc tiền bỏ trong bao nylon đựng trong túi xách màu xám, T lấy một phần tiền bỏ vào trong túi quần của mình, số tiền còn lại T để lại vị trí cũ rồi đóng nắp rương lại và để lưỡi rựa vào vị trí cũ. Sau đó, T đi ra ngoài theo đường đã vào trước đó.

Sau khi rời khỏi nhà ông M, T không kiểm đếm số tiền lấy trộm được là bao nhiêu. T sử dụng số tiền vào việc tiêu sài cá nhân như: Mua ma túy của người đàn ông tên C1 (không rõ lai lịch) 500.000 đồng và trả cho người đàn ông này 500.000 đồng tiền mua nợ ma túy trước đây; mua điện thoại hiệu SAMSUNG với giá 1.500.000 đồng; ngoài ra T còn trả nợ và mua một số vật dụng khác cho cá nhân nhưng T không nhớ là đã chi trả bao nhiêu tiền.

Đến chiều cùng ngày, gia đình ông M phát hiện bị mất trộm với số tiền là 32.000.000 đồng (*Ba mươi hai triệu đồng*) và nghi ngờ Bùi Văn T là người trộm cắp số tiền trên của gia đình mình nên làm đơn báo cáo gửi cơ quan chức năng.

Ngày 14/8/2019, Cơ quan điều tra Công an huyện Phước Sơn ra lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp và ra Quyết định tạm giữ đối với Bùi Văn T.

Tại cơ quan điều tra, Bùi Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp của mình.

Theo lời khai Bùi Văn T sau khi lấy trộm tiền tại nhà ông M, T có mua ma túy của ông C1 500.000 đồng và trả nợ 500.000 đồng cho ông C1. Quá trình điều tra không đủ cơ sở để xác định ông C1 đã bán ma túy cho Bùi Văn T.

Tại bản Cáo trạng số: 13/CT-VKS ngày 21 tháng 10 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo Bùi Văn T tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như: thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là người dân tộc thiểu số, kinh tế gia đình khó khăn. Tài sản bị cáo trộm cắp đã thu giữ và trả lại cho bị hại, bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu 01 (một) lưỡi rựa bằng kim loại, dài 40cm, lưỡi rộng nhất 5cm để tiêu hủy. Tịch thu 01 điện thoại di động cảm ứng, hiệu Samsung galaxy J7 pro, màu xám, có số thuê bao 0912159881 để sung quỹ nhà nước. Trả lại cho Bùi Văn T 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, có số thuê bao 0346568594.

Luận cứ của người bào chữa:

Thông nhất quan điểm của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Bùi Văn T tội “*Trộm cắp tài sản*” và các tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản bị cáo trộm cắp đã được thu giữ và trả lại cho bị hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ.

Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo vì bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn.

Bị cáo đồng ý luận tội của Viện kiểm sát và xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại đồng ý với luận tội của Viện kiểm sát và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát: Không thống nhất ý kiến của người bào chữa về việc cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ. Vì bị cáo nghiện chất ma

túy, trộm cắp tài sản để mua ma túy sử dụng nên xử lý nghiêm khắc để bị cáo có thời gian cải tạo, cai nghiện và phòng ngừa chung cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với quy định của pháp luật; bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 13/8/2019, Bùi Văn T đã lợi dụng lúc nhà ông Hồ Văn M không có ai ở nhà, T đã lén lút vào nhà dùng lưỡi rựa cạy phá ổ khóa rương gỗ và lấy trộm tiền của ông M. Sau đó T không điểm số tiền trộm cắp được mà T dùng số tiền trộm cắp mua ma túy để sử dụng, trả nợ và chi tiêu cá nhân.

Bị hại Hồ Văn M khai: Vợ chồng ông dành dụm và được Nhà nước hỗ trợ để chuẩn bị làm nhà số tiền 53.000.000đồng cất vào trong rương gỗ để trong buồng ngủ. Khoảng 17 giờ ngày 13/8/2019, gia đình phát hiện bị mất trộm số tiền là 32.000.000đồng.

Căn cứ vào lời khai của bị cáo, bị hại. Có đủ cơ sở để khẳng định tổng số tiền T trộm cắp của ông M là 32.000.000đ (*Ba mươi hai triệu đồng*). Như vậy, hành vi của bị cáo T đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo qui định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Đánh giá tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo Bùi Văn T là thanh niên tuổi còn trẻ nhưng không lo lao động mà lại sử dụng trái phép chất ma túy, khi không có tiền để sử dụng ma túy bị cáo đã lén lút trộm cắp tài sản của ông M. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm tài sản của người khác và làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự an toàn trên địa bàn huyện. Mặt khác, thời gian gần đây tình

hình tội phạm trên địa bàn huyện diễn biến phức tạp, các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy, khi không có tiền sử dụng thì trộm cắp tài sản của người khác. Mặc dù, các cơ quan chức năng đã xử lý nghiêm, nhưng các đối tượng vẫn phạm tội. Do đó, các cơ quan tố tụng chọn vụ án Bùi Văn T làm án điểm để nhằm điều tra, truy tố, xét xử kịp thời nhằm đáp ứng công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm. Vì vậy, xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội để bị cáo có thời gian cai nghiện cải tạo trở thành người có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[4]. *Xét luận tội của Đại diện viện kiểm sát và luận cứ bào chữa*: Đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như: bị cáo là người dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế, khai báo thành khẩn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tài sản bị cáo trộm cắp một phần đã được thu giữ, trả lại cho bị hại và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo qui định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là có cơ sở cần được chấp nhận. Không chấp nhận với đề nghị của người bào chữa về áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ. Vì bị cáo nghiện ma túy, trộm cắp tài sản để lấy tiền mua ma túy sử dụng, số tiền bị cáo trộm cắp có giá trị lớn và là tiền ông M chuẩn bị làm nhà, nên xử phạt bị cáo hình phạt nghiêm khắc để bị cáo có thời gian cai nghiện trở thành người có ích cho xã hội và giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung.

[5]. *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ*:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không vi phạm tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo là người dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế, khai báo thành khẩn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tài sản bị cáo trộm cắp đã được thu giữ, trả lại cho bị hại và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, áp dụng điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là tình tiết giảm nhẹ khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Không xử phạt bổ sung vì bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

[6]. Đối với Lê Văn C1 là người bán ma túy cho T (theo lời khai của T) tuy nhiên qua điều tra không xác định được nên không xử lý trách nhiệm đối với C1.

Đối với hành vi T mua trái phép chất ma túy để sử dụng Công an huyện Phước Sơn đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

[7]. *Về trách nhiệm dân sự*:

Số tiền mà Bùi Văn T trộm của ông Hồ Văn M là 32.000.000đ. Sau khi lấy trộm, T chi tiêu cá nhân số tiền là 5.207.000đ (*Năm triệu hai trăm không bảy nghìn đồng*) ông M không yêu cầu Bùi Văn T bồi thường thiệt hại. Nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8]. *Về xử lý vật chứng:*

Quá trình điều tra Công an huyện Phước Sơn đã thu giữ:

- Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam: 26.793.000đồng (*Hai mươi sáu triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn đồng*). Ngày 02/10/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện Phước Sơn đã trả lại số tiền cho chủ sở hữu Hồ Văn M.

- 01 (một) lưỡi rựa bằng kim loại, dài 40cm, lưỡi rộng nhất 5cm, đây là dụng cụ T lấy của gia đình ông M dùng để cạy phá ổ khóa hòm gỗ lấy trộm tiền, ông M không nhận lại và không còn giá trị sử dụng nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu để tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động cảm ứng, hiệu samsung GALAXY J7, màu xám, có số thuê bao 0912159881, điện thoại này do T dùng tiền trộm cắp của ông M để mua. Đây là tài sản do phạm tội mà có nên áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, có số thuê bao 0346568594 (không kiểm tra chất lượng) điện thoại này thuộc sở hữu của Bùi Văn T không liên quan đến vụ án nên trả lại cho Bùi Văn T.

[9]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo:

Bùi Văn T: 09 (chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ 14/8/2019.

- *Về xử lý vật chứng:*

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu 01 (một) lưới rựa bằng kim loại, dài 40cm, lưới rộng nhất 5cm để tiêu hủy.

Tịch thu 01 điện thoại di động cảm ứng, hiệu Samsung galaxy J7 pro, màu xám, có số thuê bao 0912159881 để sung công quỹ nhà nước.

Trả lại cho Bùi Văn T 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, có số thuê bao 0346568594.

Vật chứng hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Sơn đang tạm giữ theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 22/10/2019.

- Bị cáo được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- Cơ quan tiến hành tố tụng
- Những người tham gia tố tụng
- Sở tư pháp Q.Nam
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phan Thị Lan